

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
KỲ HỌP THỨ CHÍN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP NGHỊ QUYẾT TRÌNH BÀY TẠI KỲ HỌP THỨ CHÍN - HĐND TỈNH KHÓA XI

| STT | Trích yếu Dự thảo nghị quyết | Nội dung Dự thảo NQ do Ban KTNS, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trình |
|-----|--|--|
| 1 | Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh | <p>Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như đề nghị của UBND tỉnh với diện tích 49,44 ha để thực hiện 13 công trình, dự án (trong đó: đất trồng lúa: 30,03 ha/11 công trình, dự án; đất rừng phòng hộ: 19,41 ha/02 công trình, dự án) <i>(Có danh mục chi tiết kèm theo)</i></p> <p>Điều 2. Đối với các công trình dự án có chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ (đất rừng tự nhiên), đề nghị UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.</p> <p>Điều 3. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 2 | Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh | <p>Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như đề nghị của UBND tỉnh với 281,59 ha để thực hiện 35 công trình, dự án.</p> <p>2. Tổng kinh phí dự kiến và nguồn vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng: 142.433.573.870 đồng. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Ngân sách tỉnh: 30.549.112.000 đồng.b) Ngân sách huyện: 32.124.461.870 đồng.c) Nguồn vốn khác: 79.760.000.000 đồng. <p><i>(Có danh mục chi tiết kèm theo)</i></p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |

| | | |
|---|---|---|
| <p style="text-align: center;">3</p> | <p style="text-align: center;">Về việc quy định một chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:</p> <p>1. Đối tượng áp dụng</p> <p>1.1. Đối tượng áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. <p>1.2. Nguyên tắc hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ mà doanh nghiệp đã được nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thì không thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này đối với nội dung hỗ trợ đã được nhận. - Dự án nhận hỗ trợ quy định tại Khoản 3.1 Điều này thì không được nhận hỗ trợ quy định tại Khoản 3.2 Điều này và ngược lại. - Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nghiệp có dự án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến, tham gia liên kết chuỗi giá trị đối với các sản phẩm cây ăn quả; dự án sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP); ứng dụng công nghệ cao. <p>3. Các chính sách hỗ trợ, bao gồm:</p> <p>3.1. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại</p> <p>a) Điều kiện hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp có dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. - Dự án đầu tư đã hoàn thành và đi vào hoạt động. - Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. <p>b) Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ, tối đa 1%, tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng, theo từng quy mô tổng vốn đầu</p> |
|---|---|---|

| | |
|--|--|
| | <p>tư của dự án theo nguyên tắc lũy tiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án có vốn đầu tư dưới 100 tỷ đồng: Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng, trong thời gian tối đa 02 năm. - Dự án có vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 100 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 03 năm. - Dự án có vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng: Mức hỗ trợ được tính không quá 50 triệu đồng cho mỗi 200 tỷ đồng vốn đầu tư tăng thêm, trong thời gian tối đa 04 năm. <p>c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.</p> <p>3.2. Hỗ trợ tập trung đất đai</p> <p>a) Điều kiện hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp đã hoàn thành việc tập trung đất đai với quy mô diện tích từ 20 ha trở lên theo các hình thức quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. - Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. <p>b) Nội dung, mức hỗ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho công tác trích đo, trích đo địa chính để phục vụ cho việc lập thủ tục cho thuê đất; chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. - Mức hỗ trợ: Tối đa 200.000 đồng/ha/dự án. <p>3.3. Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) tại các khu, vùng tập trung đất đai.</p> <p>a) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp có dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 03 ha trở lên. - Doanh nghiệp đã hoàn thành việc đánh giá và được cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) do các cơ quan, tổ chức |
|--|--|

| | | |
|---|--|--|
| | | <p>đủ điều kiện theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, tối đa 50% chi phí thực tế, không quá 50 triệu đồng để thực hiện việc đánh giá và cấp Giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) 4. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh; các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác. Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 4 | <p>Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Chinh trang đô thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án chinh trang đô thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai gồm các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều chỉnh Điểm b, Khoản 2, Mục I Văn bản số 253/HĐND-VP ngày 03/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh: Khu thể dục thể thao rộng 5,07 ha trong đó sân vận động rộng 3,35 ha, gồm các hạng mục: Sân nền; trồng cỏ mặt sân; công tường rào quanh sân; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng và công trình vệ sinh. 2. Điều chỉnh Điểm e, Khoản 2, Mục I Văn bản số 253/HĐND-VP ngày 03/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh: Đường Kpã Klong (đoạn Lý Thái Tổ - Phạm Hồng Thái) dài 745m. 3. Điều chỉnh Điểm g, Khoản 2, Mục I Văn bản số 253/HĐND-VP ngày 03/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh: Công viên Bến Mộng rộng 0,93 ha gồm các hạng mục: Sân nền; đường nội bộ; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống tưới nước; sân tập thể dục; khu vui chơi trẻ em; các hạng mục phụ. 4. Các nội dung khác thực hiện theo Văn bản số 253/HĐND-VP ngày 03/5/2017 của Thường trực HĐND tỉnh và Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 01/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. 5. Việc điều chỉnh quy mô của từng công trình không làm thay đổi tổng mức đầu tư nhưng kinh phí bố trí cho từng công trình sẽ tăng, giảm sau khi điều chỉnh quy mô, thuộc |

| | | |
|---|--|--|
| | | <p>thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện.</p> |
| 5 | <p>Về chủ trương đầu tư dự án Đường liên xã Ia Ga - Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường liên xã Ia Ga - Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai do UBND huyện Chư Prông quản lý dự án.</p> <p>1. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng tuyến đường nhằm đảm bảo giao thông thông suốt cả hai mùa, đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa, nông sản của nhân dân trong khu vực, là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.</p> <p>2. Quy mô đầu tư (dự kiến): Tổng chiều dài tuyến 12,04km, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054: 2005; kết cấu mặt đường bê tông xi măng; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước (trong đó có 02 cầu bê tông cốt thép) và hệ thống an toàn, tổ chức giao thông trên tuyến đường.</p> <p>3. Nhóm dự án: Trọng điểm nhóm C.</p> <p>4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 78 tỷ đồng (Bảy mươi tám tỷ đồng).</p> <p>5. Cơ cấu nguồn vốn: Dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018: 40 tỷ đồng, dự phòng ngân sách tỉnh: 30 tỷ đồng; phần vốn còn lại do ngân sách huyện đảm bảo.</p> <p>6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.</p> <p>7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019-2020.</p> <p>8. Tiến độ thực hiện dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019 phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và triển khai thi công công trình. - Năm 2020 thi công hoàn thành công trình. <p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>UBND huyện Chư Prông chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Đường liên xã Ia Ga - Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.</p> <p>Điều 3. Điều khoản thi hành</p> <p>1. UBND huyện Chư Prông và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> |

| | | |
|---|--|--|
| | | 2. UBND tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết này, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật./. |
| 6 | Về việc bổ sung danh mục các công trình, dự án khởi công mới vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai | <p>Điều 1. Bổ sung danh mục các công trình, dự án khởi công mới vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: 79,8 tỷ đồng. 2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai - hạng mục Khoa Cấp cứu và Khoa Dược: 22 tỷ đồng. 3. Đường vào ba buôn xã Chư Đrăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai: 35,2 tỷ đồng. 4. Nâng cấp đường từ Quốc lộ 25 đi UBND xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai: 10 tỷ đồng. 5. Khu hội chợ triển lãm tỉnh Gia Lai: 7,6 tỷ đồng. 6. Đường liên xã Tân An đi Yang Bắc, Phú An (đoạn Km4+34-Km6+50m), huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai: 8,5 tỷ đồng. <p><i>(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).</i></p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 7 | Về chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai | <p>Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh quản lý dự án.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp tuyến đường theo quy hoạch được duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, chỉnh trang đô thị và đảm bảo tính đồng bộ của tuyến đường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. 2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi): <ol style="list-style-type: none"> a) Đoạn Km0-Km0+950m và Km1+610-Km2+850m, L=2.190m: Nền đường rộng 30m; mặt đường và dải phân cách rộng 21m (dải phân cách rộng 3m, mặt đường rộng 9mx2=18m); vỉa hè rộng 4,5mx2=9m (trong đó lát gạch 1,5mx2=3m, phần vỉa hè còn lại |

| | |
|--|---|
| | <p>dự kiến huy động nhân dân tự gia cố); kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng.</p> <p>b) Đoạn Km0+950-Km1+610m, L=660m: Bổ sung dải phân cách giữa rộng 3m và các hạng mục phụ.</p> <p>3. Nhóm dự án: Nhóm B.</p> <p>4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 88 tỷ đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).</p> <p>5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.</p> <p>6. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2021 (vốn bố trí đến năm 2020).</p> <p>8. Tiến độ thực hiện dự án:</p> <ul style="list-style-type: none">- Năm 2019 phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư.- Năm 2020, 2021 thi công hoàn thành công trình. <p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường Tôn Đức Thắng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.</p> <p>Điều 3. Điều khoản thi hành</p> <ol style="list-style-type: none">1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.2. Giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết báo cáo HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật. |
|--|---|

| | | |
|---|---|--|
| 8 | <p>Về việc điều chỉnh nguồn vốn trong chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Điều chỉnh nguồn vốn trong chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai như sau: Điều chỉnh khoản 5 mục I văn bản số 128/HĐND-VP ngày 27/10/2016 của Thường trực HĐND tỉnh như sau: Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh.</p> <p>- Các nội dung khác: Thực hiện theo Văn bản số 128/HĐND-VP ngày 27/10/2016 của Thường trực HĐND tỉnh.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 9 | <p>Về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020</p> | <p>Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:</p> <p>1. Điều chỉnh thông tin dự án trong Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2017 và Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 01/03/2019 của HĐND tỉnh (Biểu số 1 kèm theo):</p> <p>Điều chỉnh Biểu số 2, Điều 1 Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2017 của HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Tư về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương); Biểu số 3, điều 1 Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 01/03/2019 của HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Tám về điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:</p> <p>- Điều chỉnh tên dự án từ “Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Trụ sở Tỉnh ủy Gia Lai” thành “Đầu tư khu B Trụ sở Tỉnh ủy Gia Lai”.</p> <p>2. Bổ sung danh mục dự án và dự kiến bố trí vốn từ nguồn vốn chưa phân bổ của nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư với số vốn là 71,85 tỷ đồng (biểu số 2 kèm theo) cho 4 dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, cụ thể:</p> <p>- Cầu Ya Hội, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai: 12,9 tỷ đồng.</p> <p>- Đường vào vườn quốc gia Kon Ka Kinh, huyện Mang Yang: 22 tỷ đồng.</p> <p>- Bảo tồn, tôn tạo di tích Tây Sơn Thượng Đạo, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: 24,95 tỷ đồng.</p> |

| | | |
|----|---|---|
| | | <p>- Chống sạt lở khu vực xung quanh tượng phật Quan Thế Âm Bồ Tát khu Lâm viên Biển Hồ, thành phố Pleiku: 12 tỷ đồng.</p> <p>3. Thống nhất bổ sung vốn cho các chương trình, dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ nguồn dự phòng ngân sách địa phương (vốn đầu tư công) với số vốn là 92,14 tỷ đồng, gồm những dự án sau:</p> <p>3.1. Bố trí vốn đối ứng với ngân sách Trung ương:</p> <p>a) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020: bổ sung 5,178 tỷ đồng.</p> <p>b) Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thơ Ga, xã Chư Don, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai: bổ sung 7 tỷ đồng.</p> <p>c) Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun, đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, bổ sung 23,6 tỷ đồng.</p> <p>d) Dự án Hạ tầng du lịch tỉnh Gia Lai: bổ sung 50,24 tỷ đồng.</p> <p>3.2. Bố trí vốn cho các dự án đã bố trí từ nguồn vốn cần đối ngân sách tỉnh còn thiếu vốn:</p> <p>a) Đường liên xã (đoạn từ tỉnh lộ 669 đi phường An Phước và xã Cửu An) thị xã An Khê: bổ sung 40 tỷ đồng.</p> <p>b) Dự án Đường hầm sớ chỉ huy cơ bản huyện Ia Grai: bổ sung 2,122 tỷ đồng.</p> |
| 10 | <p>Về việc quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</p> <p>1.1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách địa phương để khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>1.2. Đối tượng áp dụng</p> <p>- Các hợp tác xã nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>2. Nguyên tắc áp dụng</p> <p>Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ nhưng có các mức hỗ trợ khác nhau giữa Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác thì được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ cao nhất hoặc có lợi nhất.</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ:</p> <p>3.1. Hỗ trợ người tốt nghiệp đại học trở lên làm việc ở hợp tác xã nông nghiệp</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ:</p> <p>Hợp tác xã nông nghiệp có người tốt nghiệp đại học trở lên làm giám đốc.</p> <p>b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trong kế hoạch hỗ trợ nguồn nhân lực cho hợp tác xã nông nghiệp và dự toán của tỉnh được phê duyệt hàng năm. - Tuổi dưới 45 đối với nam và dưới 40 đối với nữ. - Có chuyên môn phù hợp để tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp. - Có chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. - Có cam kết làm việc tại hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian ít nhất 05 năm. <p>c) Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ: Mức hỗ trợ hàng tháng tương đương mức lương tối thiểu vùng theo quy định của pháp luật hiện hành cho 01 lao động/01 hợp tác xã nông nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 36 tháng .</p> <p>3.2. Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) tại các khu, vùng tập trung đất đai</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh</p> |
|--|---|

| | | | | | | | | | | |
|----|--|---|--------------------------------------|--|---|--|----|---------------------|---------------------------|--------------------------------------|
| | | <p>ngành đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>b) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. - Hợp tác xã có quy mô diện tích tập trung từ 03 ha trở lên. - Hợp tác xã đã hoàn thành việc đánh giá và được cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) do các cơ quan, tổ chức đủ điều kiện theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. <p>c) Mức hỗ trợ:</p> <p>Hỗ trợ một lần, tối đa 50% chi phí thực tế, không quá 50 triệu đồng cho hợp tác xã để thực hiện việc đánh giá và cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).</p> <p>4. Ngân sách thực hiện: Ngân sách tỉnh.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> | | | | | | | | |
| 11 | <p>Sửa đổi Điểm 1b, mục 1 biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND</p> | <p>Điều 1. Sửa đổi Điểm 1b, mục 1 biểu quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:</p> <table border="1" data-bbox="642 1182 1990 1398"> <tr> <td data-bbox="642 1182 751 1252"></td> <td data-bbox="751 1182 1094 1252"></td> <td colspan="2" data-bbox="1094 1182 1990 1252">Mức hỗ trợ đối với các xã thuộc đối tượng 3</td> </tr> <tr> <td data-bbox="642 1252 751 1398">TT</td> <td data-bbox="751 1252 1094 1398">Hạng mục công trình</td> <td data-bbox="1094 1252 1535 1398">Ngân sách Nhà nước hỗ trợ</td> <td data-bbox="1535 1252 1990 1398">Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác</td> </tr> </table> | | | Mức hỗ trợ đối với các xã thuộc đối tượng 3 | | TT | Hạng mục công trình | Ngân sách Nhà nước hỗ trợ | Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác |
| | | Mức hỗ trợ đối với các xã thuộc đối tượng 3 | | | | | | | | |
| TT | Hạng mục công trình | Ngân sách Nhà nước hỗ trợ | Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác | | | | | | | |

| | | | | | |
|-----------|--|---|----------------------|-----|-----|
| | tỉnh | 1 | Giao thông: | | |
| | | | Đường trục thôn, xóm | 85% | 15% |
| 12 | Về phương án phân bổ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 | <p>Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 và Nghị quyết số 84/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh “<i>về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định đối tượng và mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai</i>”.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Điều 1. Quyết định phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 như sau:</p> <p>1. Tổng vốn phân bổ: 32.900 triệu đồng (theo Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT và văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).</p> <p>2. Phương án phân bổ: Năm 2019 phân bổ cho các địa phương để triển khai thực hiện 4 Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo nguyên tắc tập trung, không dàn trải, đảm bảo các dự án được bố trí đủ vốn, hoàn thành dứt điểm trong năm 2019, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ Đề án theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ huyện Krông Pa 1.342 triệu đồng. - Hỗ trợ Đề án theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ huyện Đak Pơ 2.884 triệu đồng. - Hỗ trợ phát triển hợp tác xã cho các hợp tác xã trên địa bàn các địa phương đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí hỗ trợ theo quy định, tổng kinh phí hỗ trợ là 4.536 triệu đồng. | | | |

| | | |
|----|---|---|
| | | <p>- Phần vốn còn lại Hỗ trợ Đề án theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ cho các thôn làng thuộc các xã biên giới đạt dưới 10 tiêu chí thuộc các huyện Đức Cơ, Ia Grai và Chư Prông với tổng kinh phí là 24.138 triệu đồng.</p> <p><i>(Có phụ lục kèm theo kèm theo)</i></p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 13 | Về việc quyết định chủ trương triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023 | <p>Điều 1. Quyết định chủ trương triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023 như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1330/TTr-UBND ngày 14/6/2019.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 về chủ trương triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023.</p> <p>Điều 3. Giao UBND tỉnh hoàn chỉnh, quyết định phê duyệt và triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023.</p> |
| 14 | Về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai | <p>Điều 1. Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:</p> <p>1. Các mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Gia Lai, như sau:</p> <p>1.1. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở (đã bao gồm cả bữa ăn sáng):</p> <p>a) Đoàn là khách hạng A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng đoàn: 4.000.000 đồng/người/ngày; - Phó đoàn: 3.300.000 đồng/người/ngày; - Đoàn viên: 2.500.000 đồng/người/ngày. <p>b) Đoàn là khách hạng B:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng đoàn, Phó đoàn: 3.300.000 đồng/người/ngày; - Đoàn viên: 2.000.000 đồng/người/ngày. <p>c) Đoàn khách hạng C:</p> |

| | | |
|----|--|--|
| | | <p>- Trưởng đoàn: 1.800.000 đồng/người/ngày; - Đoàn viên: 1.300.000 đồng/người/ngày. d) Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/người/ngày.</p> <p>1.2. Các nội dung chi khác áp dụng trực tiếp mức chi theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.</p> <p>2. Mức chi tổ chức các hội nghị quốc tế và chi tiếp khách trong nước Áp dụng trực tiếp mức chi tổ chức các hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.</p> <p>3. Mức chi quy định tại Nghị quyết này đã bao gồm các khoản thuế, phí dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật. Tùy theo tình hình thực tế, trong phạm vi dự toán ngân sách Nhà nước được phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định cụ thể mức chi tại Khoản 2, 3 Điều này trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết này đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 15 | <p>Về việc quy định quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai. Gồm các nội dung như sau:</p> <p>1. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:</p> <p>1.1. UBND tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>1.2. UBND cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>2. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:</p> <p>2.1. UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.</p> <p>2.2. UBND cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn liền với đất, mặt nước thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.</p> <p>3. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:</p> <p>3.1. UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP) đối với các trường hợp:</p> <p>a) Điều chuyển giữa các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh;</p> <p>b) Điều chuyển giữa cấp tỉnh và cấp huyện;</p> <p>c) Điều chuyển giữa cấp huyện khác đơn vị hành chính.</p> <p>3.2. UBND cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này).</p> <p>4. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:</p> <p>4.1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước; tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.</p> <p>4.2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý không bao gồm tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</p> <p>5.1. UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.</p> <p>5.2. UBND cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.</p> <p>6. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của</p> |
|--|--|

| | | |
|----|---|--|
| | | <p>pháp luật</p> <p>6.1. UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý.</p> <p>6.2. UBND cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 16 | <p>Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:</p> <p>1. Nội dung và mức chi họp của Hội đồng sáng kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng sáng kiến: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với cấp tỉnh 400.000 đồng/buổi họp; + Đối với cấp cơ sở 300.000 đồng/buổi họp. - Phó Chủ tịch Hội đồng sáng kiến, thư ký Hội đồng sáng kiến và các thành viên Hội đồng sáng kiến (gồm các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến): 200.000 đồng/người/buổi họp. - Các thành phần khác tham gia Hội đồng sáng kiến theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến: 100.000 đồng/người/buổi họp. - Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng sáng kiến: thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt. <p>2. Nội dung và mức chi phổ biến sáng kiến</p> <p>2.1. Tổ chức các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan) với mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/đơn vị tham gia.</p> <p>2.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến (gồm: sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội, sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác</p> |

| | | |
|----|--|---|
| | | <p>ng nghiệp trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật):</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 17 | <p>Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với công trình đầu tư xây dựng mới) trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Gồm các nội dung như sau:</p> <p>1. Các nội dung và mức hỗ trợ như sau:</p> <p>1.1. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước</p> <p>a) Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương) đặc biệt khó khăn.</p> <p>b) Hỗ trợ 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn xã, phường, thị trấn còn lại hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương).</p> <p>1.2. Mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước</p> <p>a) Đối với địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương) đặc biệt khó khăn:</p> <p>- Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho các loại cây trồng theo danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực (cây trồng chủ lực) của tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng,</p> |

| | |
|--|---|
| | <p>mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha. <p>b) Đối với địa bàn xã, phường, thị trấn còn lại hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho các loại cây trồng theo danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực (cây trồng chủ lực) của tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được hỗ trợ 40% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị nhưng không quá 30 triệu đồng/ha. - Hỗ trợ 40% chi phí để san phẳng đồng ruộng nhưng không quá 8 triệu đồng/ha. <p>1.3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống và kiên cố kênh mương</p> <p>a) Đối với địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương) đặc biệt khó khăn: Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng cống, kiên cố kênh mương được hỗ trợ 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).</p> <p>b) Đối với địa bàn xã, phường, thị trấn còn lại hoặc địa bàn thôn, làng, tổ dân phố (và tương đương): Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng cống, kiên cố kênh mương được hỗ trợ 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).</p> <p>1.4 Hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện: Hỗ trợ 40% giá trị mua máy móc, thiết bị đầu tư xây dựng.</p> <p>1.5. Nguồn vốn thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chính sách thông qua các chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan; - Ngân sách tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương. |
|--|---|

| | | |
|----|---|--|
| | | Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. |
| 18 | Về việc nhất trí đề UBND tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu A -Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | <p>Điều 1. Nhất trí đề UBND tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu A - Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh Gia Lai hoàn chỉnh hồ sơ và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.</p> |
| 19 | Quy định một số chính sách hỗ trợ về đầu tư du lịch, hoạt động xúc tiến du lịch và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai | <p>Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ về đầu tư du lịch, hoạt động xúc tiến du lịch và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Gồm các nội dung như sau:</p> <p>1. Các nội dung và mức hỗ trợ như sau:</p> <p>1.1. Hỗ trợ đầu tư đối với lĩnh vực du lịch</p> <p>a) Đối tượng được hỗ trợ</p> <p>Tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các dự án xây dựng khách sạn cao cấp (4 sao), khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng phục vụ du lịch có tổng diện tích sử dụng đất trên 10 ha.</p> <p>b) Nội dung và mức hỗ trợ</p> <p>- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống nước)</p> <p>+ Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư đối với các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật gắn với hoạt động dân sinh, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 dự án.</p> <p>+ Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư đối với các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật không gắn với hoạt động dân sinh, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/01 dự án.</p> <p>- Hỗ trợ san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng và rà phá bom mìn nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/01 dự án.</p> |

| | | |
|----|---|---|
| | | <p>- Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30% chi phí lập dự án đầu tư, chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 dự án (theo quy định hiện hành của nhà nước về định mức, chi phí lập dự án, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).</p> <p>1.2. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến du lịch</p> <p>a) Hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/01 lần/01 năm cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, hội chợ du lịch ở trong nước;</p> <p>b) Hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/01 lần/01 năm cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, hội chợ du lịch tại các nước thuộc khu vực châu Á;</p> <p>c) Hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/01 lần/01 năm cho doanh nghiệp tham gia triển lãm, hội chợ du lịch tại các nước ngoài khu vực châu Á.</p> <p>1.3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay):</p> <p>a) Hỗ trợ hộ gia đình tại các làng hoặc thôn, buôn có hoạt động du lịch cộng đồng đầu tư nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch theo quy định.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ 01 lần: 10 triệu đồng/phòng nhưng không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.</p> <p>c) Điều kiện hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình đầu tư homestay tại các làng hoặc thôn hoặc buôn có trong phương án hoặc dự án hoặc kế hoạch xây dựng du lịch cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho hộ gia đình được hưởng chính sách theo từng năm sau khi có thông báo lãi suất của tổ chức tín dụng. <p>2. Nguồn kinh phí thực hiện: Hàng năm, ngân sách cấp tỉnh bố trí kinh phí trong nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.</p> <p>Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này và có văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình thủ tục hỗ trợ cho từng đối tượng và thuận tiện cho đối tượng được hỗ trợ.</p> |
| 20 | Về việc quy định mức học phí đối với giáo dục | <p>Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học</p> |

| | | |
|----|---|---|
| | mầm non, giáo dục phổ thông; học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2019-2020 | 2019-2020 như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1243/TTr-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Gia Lai. Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. |
| 21 | Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai | Điều 1. Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau: 1. Quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 90, 95 tuổi và trên 100 tuổi gồm hiện vật trị giá 200.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt. 2. Quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85 tuổi gồm hiện vật trị giá 200.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt. Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. |
| 22 | Về việc chia, nhập để thành lập và đặt tên mới thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai | Điều 1. Chia, nhập để thành lập và đặt tên mới 46 thôn, tổ dân phố; đổi tên 03 thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (<i>Có danh sách cụ thể kèm theo</i>). Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức triển khai thực hiện. |
| 23 | Về việc bãi bỏ một số nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường | Điều 1. Bãi bỏ 05 nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể: 1. Nghị quyết số 21/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2006 về việc quy định giá đất các khu quy hoạch tái định cư trên địa bàn thành phố Pleiku. 2. Nghị quyết số 16/2007/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2007 về việc phê duyệt giá tính thu tiền sử dụng đất khu phố Hoa Lư - Phù Đổng. 3. Nghị quyết số 20/2007/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2007 về việc phê duyệt giá |

| | | |
|----|---|--|
| | | <p>đất khu tiêu thụ công nghiệp xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>4. Nghị quyết số 27/2007/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2007 về việc phê duyệt giá đất tại các khu tái định cư, gồm: Khu quy hoạch Hoa Lư - Phù Đổng, Công ty thương mại xuất nhập khẩu đường Yết Kiêu, Công ty xuất nhập khẩu đường Lý Nam Đế, khu 2,5 ha xã Trà Đa, thành phố Pleiku, khu Xí nghiệp Ong, kho Công ty Dược, Công ty cà phê tỉnh.</p> <p>5. Nghị quyết số 25/2008/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2008 về việc phê duyệt giá đất khu tiêu thụ công nghiệp xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 24 | <p>Về phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai</p> | <p>Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổng biên chế làm việc tại các hội năm 2019 của tỉnh Gia Lai. Cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 27.934 người. 2. Tổng số hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 1.462 người. 3. Tổng số biên chế làm việc tại các tổ chức hội: 113 biên chế làm việc và 11 lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời tổ chức thực hiện việc sử dụng biên chế; rà soát thực hiện tinh giản biên chế và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hội theo quy định của Trung ương.</p> |
| 25 | <p>Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 26/2004/NQ-HĐ ngày 10/12/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn</p> | <p>Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 26/2004/NQ-HĐ ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn phương án thực hiện Nghị định 171/2004/NĐ-CP và Nghị định 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.</p> |

| | | |
|-----------|--|---|
| | <p>phương án thực hiện Nghị định 71/2004/NĐ-CP và Nghị định 72/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố</p> | <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| <p>26</p> | <p>Về kết quả giám sát “Tình hình tổ chức thực hiện việc thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm, đất rừng không còn rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến thời điểm giám sát”</p> | <p>Điều 1. Tán thành nội dung Báo cáo số 122/BC-HĐND ngày 09/5/2019 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về việc báo cáo kết quả giám sát <i>“Tình hình tổ chức thực hiện việc thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm, đất rừng không còn rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến thời điểm giám sát”</i> với những kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập, nguyên nhân và các kiến nghị nhằm tăng cường thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm, đất rừng không còn rừng trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới</p> <p>Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về thu hồi đất rừng bị lấn chiếm để chuyển cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các chủ rừng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn luật định chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các kiến nghị tại Báo cáo 122/BC-HĐND ngày 09/5/2019 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết này cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2020.</p> <p>Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</p> |

| | | |
|----|--|---|
| 27 | <p>Về kết quả giải quyết các vấn đề phát sinh từ sau Kỳ họp thứ Bảy - trước Kỳ họp thứ Chín (từ ngày 01/12/2018 đến ngày 15/3/2019)</p> | <p>Điều 1. Thống nhất kết quả giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh từ sau Kỳ họp thứ Bảy - trước Kỳ họp thứ Chín (từ ngày 01/12/2018 đến ngày 15/3/2019) của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trước khi Nghị quyết số 629/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân có hiệu lực) như Báo cáo số 128/BC-HĐND ngày 24/6/2019 của Thường trực nhân dân tỉnh.</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.</p> <p>Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.</p> |
| 28 | <p>Về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2020</p> | <p>Điều 1. Thống nhất chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2020 các nội dung như sau tại Kỳ họp giữa năm và cuối năm 2020:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét các báo cáo theo quy định tại Điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015. 2. Tiến hành hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh. 3. Xem xét báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp trước. 4. Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh (nếu có). 5. Xem xét các báo cáo thực hiện nghị quyết về kết quả giám sát của HĐND tỉnh về: <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Xem xét báo cáo của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp giữa năm 2019 về “<i>Tình hình tổ chức thực hiện thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm, đất rừng không còn rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến thời điểm giám sát</i>” và thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XI, Kỳ họp cuối năm 2019 “<i>Về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh</i>”. 5.2. Xem xét báo cáo giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “<i>Tình hình cấp giấy chứng</i> |

| | | |
|----|-----------------------------|---|
| | | <p><i>nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh”.</i></p> <p>6. Xem xét các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.</p> <p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2020; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chương trình giám sát của HĐND; nâng cao tính chuyên nghiệp trong tổ chức thực hiện, tăng cường các điều kiện đảm bảo để hoạt động giám sát được tiến hành một cách thuận lợi, đạt chất lượng, hiệu quả cao.</p> <p>2. Căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh chủ động xây dựng và triển khai thực hiện chương trình giám sát của mình; căn cứ điều kiện và tình hình thực tế, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh chủ động lựa chọn nội dung để xây dựng chương trình, phối hợp và tiến hành hoạt động giám sát, báo cáo kết quả giám sát theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của chủ thể giám sát.</p> <p>4. Các cơ quan chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Thường trực HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.</p> |
| 29 | Nghị quyết kinh tế - xã hội | |